

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản quyền sử dụng đất

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Số Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Gia Lai về việc tăng hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất trên địa bàn xã Ia Kriêng và thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ; Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của UBND tỉnh Gia Lai về việc tăng hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê đất trả tiền một lần tại thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ;

Căn cứ Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 của UBND huyện Đức Cơ về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất năm 2022 tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đức Cơ; Quyết định số 1178a/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND huyện Đức Cơ về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Phương án đấu giá quyền sử dụng đất đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/4/2022;

Căn cứ Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của UBND huyện Đức Cơ về việc đấu giá quyền sử dụng đất năm 2022 tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đức Cơ; Quyết định số 1179a/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND huyện Đức Cơ về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của UBND huyện Đức Cơ;

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 06/9/2023; Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của UBND huyện Đức Cơ về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất.

Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ thông báo việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá và đơn vị tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất:

- Người có tài sản đấu giá: Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ, địa chỉ: Đường Quang Trung, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

- Đơn vị tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đức Cơ, địa chỉ: Đường Quang Trung, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá:

Tài sản đấu giá là quyền sử dụng đất tại thị trấn Chư Ty và xã Ia Kriêng, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Tổng số lô đất bán đấu giá 54 lô, tổng diện tích 9.492,52m², cụ thể như sau:

2.1. Trên địa bàn thị trấn Chư Ty: 41 lô, diện tích 6.855,52m², gồm:

* Đất thương mại dịch vụ: 01 lô, diện tích: 85m².

Vị trí: Thửa đất số 96, tờ bản đồ 10 tại Đường Quang Trung (Cạnh Ngân hàng BIDV).

Hình thức giao đất: Cho thuê đất trả tiền một lần thông qua hình thức đấu giá. Thời hạn sử dụng: 50 năm.

* Đất ở đô thị: 40 lô, diện tích: 6.770,52m².

Vị trí: Đường Quang Trung (khu vực đối diện trường TH Kim Đồng và phía Tây Công an huyện); các lô đất xen kẽ trong khu dân cư (đường Nguyễn Văn Linh, đường Anh Hùng Núp, đường Tăng Bạt Hổ).

Hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá. Thời hạn sử dụng: Lâu dài

2.2. Trên địa bàn xã Ia Kriêng:

- Loại đất đấu giá: Đất ở nông thôn.

- Diện tích: 2.637m² (13 lô).

- Vị trí: Đường Tuyến II, thôn Ia Lâm (Gần BCHQS huyện).

- Hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá. Thời hạn sử dụng: Lâu dài.

3. Tổng giá khởi điểm của tài sản đấu giá: 27.704.501.760 đồng (Làm tròn: 27.704.501.000 đồng; bằng chữ: Hai mươi bảy tỷ bảy trăm linh bốn triệu năm trăm linh một ngàn đồng).

(Cụ thể từng lô đất có phụ lục kèm theo)

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Tổ chức đấu giá tài sản có đầy đủ điều kiện đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại khoản 4, Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Điều 3 và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp, hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản và các tiêu chí khác do người có tài sản đấu giá quy định.

(Có Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá kèm theo)

5. Đánh giá, chấm điểm tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản: Thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp.

6. Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản đăng ký tham gia của Tổ chức đấu giá tài sản.
- Hồ sơ năng lực của tổ chức đấu giá tài sản.
- Phương án tổ chức cuộc đấu giá.
- Mức thù lao dịch vụ đấu giá.
- Số lượng hồ sơ nộp: 02 bộ.

7. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia:

- Thời gian: Từ ngày 12/9/2023 đến 16 giờ 00 phút ngày 15/09/2023 (trong giờ hành chính).

- Địa điểm nộp hồ sơ: **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;** địa chỉ: Đường Quang Trung, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

- Số điện thoại liên hệ: 0593.846.184 hoặc 0975.416.206

Thông tin chi tiết về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản và Trang thông tin điện tử huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai, địa chỉ: <http://ducco.gialai.gov.vn>.

** Lưu ý: Hồ sơ đăng ký tham gia đóng thành quyển, không trả hồ sơ nếu không được lựa chọn. Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đức Cơ. Người nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu của đơn vị và Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân.*

Giao Văn phòng HĐND-UBND huyện đăng tải Thông báo này lên Cổng thông tin điện tử của huyện.

Hết thời hạn nêu trên, Phòng Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình UBND huyện xem xét lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo quy định.

Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ thông báo để các đơn vị, tổ chức biết, đăng ký tham gia./.

Nơi nhận:

- TT. Huyện ủy (thay B/c);
- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện, VP;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện;
- Phòng Tài chính KH;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (dgts.moj.gov.vn).
- Trang TTĐT Sở TNMT tỉnh Gia Lai; Sở Tư Pháp tỉnh Gia Lai;
- Trang TTĐT huyện Đức Cơ;
- Các cơ quan có liên quan;
- Trang TTĐT xã Ia Kriêng và TT.Chư Ty;
- Lưu: TN-MT. *LT*

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Phận

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Kèm theo Thông báo số 47/TB-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Đức Cơ)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5 (Tính từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022)	6,0
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0

1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5 (Tính từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022)	18,0
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	So lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0

8	<i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i>	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	<i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>	3,0
2	<i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4,0
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
1	Trách nhiệm của tổ chức đấu giá tài sản đối với đấu giá viên	3
1.1	<i>Không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho các đấu giá viên của tổ chức đấu giá.</i>	0
1.2	<i>Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp chỉ một số đấu giá viên của tổ chức đấu giá.</i>	1
1.3	<i>Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho tất cả các đấu giá viên của tổ chức đấu giá.</i>	3
2	Có trụ sở chính hoặc trụ sở Chi nhánh trên địa bàn tỉnh Gia Lai	2
2.1	<i>Có.</i>	2
2.2	<i>Không có.</i>	0
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	Đủ điều kiện
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	Không đủ điều kiện



BẢNG TỔNG HỢP CÁC LÔ ĐẤT ĐAU GIÁ
TẠI THỊ TRẤN CHƯ TY VÀ XÃ IAKRIÊNG HUYỆN ĐỨC CỜ NĂM 2023
(Kèm theo Thông báo số: 47 /TB-UBND ngày 11/9/2023 của UBND huyện)

TT	Khu vực, vị trí	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Ghi chú
			Giá đất (đồng/m ²)	Giá đất (đồng/lô)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A	TT. CHƯ TY: 41 lô	6.855,52		24.236.504.760	
1	Thửa đất số 96, tờ bản đồ 10 tại Đường Quang Trung (Cạnh Ngân hàng BIDV): Vị trí 1: Đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến đường Tăng Bạt Hổ	85,00	31.711.800	2.695.503.000	
2	Khu vực QH đối diện với trường TH Kim Đồng (Đường Quang Trung (Vị trí 1: Từ đường vào Sư đoàn BB DBĐV 15 (cũ) - hết ranh giới thị trấn)): 2 lô	420,00		1.477.980.000	
-	Lô B13	210,00	3.519.000	738.990.000	
-	Lô B17	210,00	3.519.000	738.990.000	
3	Khu vực QH tổ dân phố 7 (Phía Tây Công an huyện - Đường Quang Trung (Vị trí 1: Từ đường vào Sư đoàn BB DBĐV 15 (cũ) - hết ranh giới thị trấn)): 30 lô	5.278,02		17.354.129.760	
-	Khu B: 15 lô	2.887,79		9.495.053.520	
+	Lô B1	192,50	3.288.000	632.940.000	
+	Lô B2	192,50	3.288.000	632.940.000	
+	Lô B3	192,50	3.288.000	632.940.000	
+	Lô B4	192,50	3.288.000	632.940.000	
+	Lô B5	192,50	3.288.000	632.940.000	
+	Lô B6	192,50	3.288.000	632.940.000	
+	Lô B7	192,50	3.288.000	632.940.000	
+	Lô B8	192,50	3.288.000	632.940.000	
+	Lô B9	192,50	3.288.000	632.940.000	
+	Lô B10	192,50	3.288.000	632.940.000	
+	Lô B11	192,76	3.288.000	633.794.880	
+	Lô B12	192,44	3.288.000	632.742.720	
+	Lô B13	192,59	3.288.000	633.235.920	
+	Lô B14	192,50	3.288.000	632.940.000	
+	Lô B15	192,50	3.288.000	632.940.000	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
-	Khu A: 15 lô	2.390,23		7.859.076.240	
+	Lô A1	173,18	3.288.000	569.415.840	
+	Lô A2	169,16	3.288.000	556.198.080	
+	Lô A3	165,62	3.288.000	544.558.560	
+	Lô A4	162,55	3.288.000	534.464.400	
+	Lô A5	159,95	3.288.000	525.915.600	
+	Lô A6	157,82	3.288.000	518.912.160	
+	Lô A7	156,16	3.288.000	513.454.080	
+	Lô A8	154,97	3.288.000	509.541.360	
+	Lô A9	154,25	3.288.000	507.174.000	
+	Lô A10	153,99	3.288.000	506.319.120	
+	Lô A11	154,21	3.288.000	507.042.480	
+	Lô A12	154,89	3.288.000	509.278.320	
+	Lô A13	156,05	3.288.000	513.092.400	
+	Lô A14	157,67	3.288.000	518.418.960	
+	Lô A15	159,76	3.288.000	525.290.880	
4	Lô đất xen kẽ trong khu dân cư đường Nguyễn Văn Linh (Vị trí 1): 03 lô	358,00		787.440.000	
-	TĐ số: 776 - TĐĐ: 33	118,00	2.280.000	269.040.000	Lô góc
-	TĐ số: 775 - TĐĐ: 33	120,00	2.160.000	259.200.000	
-	TĐ số: 774 - TĐĐ: 33	120,00	2.160.000	259.200.000	
5	Lô đất xen kẽ trong khu dân cư đường Anh Hùng Núp (Vị trí 1: Đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường vào Khu dân cư TDP5 (qua Bệnh viện): 02 lô	255,00		881.790.000	
-	TĐ số: 172 - TĐĐ: 35	135,00	3.458.000	466.830.000	
-	TĐ số: 173 - TĐĐ: 35	120,00	3.458.000	414.960.000	
6	Lô đất xen kẽ trong khu dân cư đường Tăng Bạt Hổ (Vị trí 1: đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Anh Hùng Núp): 03 lô	459,50		1.039.662.000	
-	TĐ số: 195 - TĐĐ: 35	150,50	2.223.000	334.561.500	
-	TĐ số: 196 - TĐĐ: 35	153,50	2.223.000	341.230.500	
-	TĐ số: 197 - TĐĐ: 35	155,50	2.340.000	363.870.000	Lô góc
B	Xã Ia Kriêng: Đường tuyến II, thôn Ia Lâm (KV1-VT4) : 13 lô	2.637		3.467.997.000	
-	Lô A18	285,00	1.473.000	419.805.000	Lô góc
-	Lô A19	196,00	1.296.000	254.016.000	



(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
-	Lô A20	196,00	1.296.000	254.016.000	
-	Lô A21	196,00	1.296.000	254.016.000	
-	Lô A22	196,00	1.296.000	254.016.000	
-	Lô A23	196,00	1.296.000	254.016.000	
-	Lô A24	196,00	1.296.000	254.016.000	
-	Lô A25	196,00	1.296.000	254.016.000	
-	Lô A26	196,00	1.296.000	254.016.000	
-	Lô A27	196,00	1.296.000	254.016.000	
-	Lô A28	196,00	1.296.000	254.016.000	
-	Lô A29	196,00	1.296.000	254.016.000	
-	Lô A30	196,00	1.296.000	254.016.000	
	Tổng cộng: 54 lô	9.492,52		27.704.501.760	

